

Số: 16 /GCN-BXD

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2023

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM  
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 52/2022/NĐ-CP ngày 08/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty Cổ phần nghiên cứu và phát triển ASPHALT Việt Nam và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 09/12/2022.

**CHỨNG NHẬN:**

- Công ty Cổ phần nghiên cứu và phát triển ASPHALT Việt Nam,  
Mã số thuế: 0106707399  
Địa chỉ: Tầng 3, nhà G10, số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội  
Tên phòng thí nghiệm: Phòng Thí nghiệm công trình đường bộ và sân bay  
Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 7 ngách 73/21 đường La Dương, tổ dân phố Trung Bình, phường Dương Nội, quận Hà Đông, Tp. Hà Nội  
Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.
- Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 521**
- Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp./.

**Nơi nhận:**

- Công ty Cổ phần nghiên cứu và phát triển ASPHALT Việt Nam;
- Sở XD Tp. Hà Nội;
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

**TL. BỘ TRƯỞNG**

**VỤ TRƯỞNG**

**VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**



**\* Vũ Ngọc Anh**

## DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 521

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 16 /GCN-BXD, ngày 14 tháng 02 năm 2023  
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
<b>1</b>	<b>Cốt liệu dùng cho bê tông và vữa</b>	
	Xác định thành phần cỡ hạt và mô đun độ lớn; Xác định thành phần thạch học; Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước; Xác định khối lượng thể tích độ xốp và độ hồng; Xác định độ ẩm; Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ; Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ; Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc; Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn; Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn; Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles); Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn; Xác định hàm lượng mềm yếu, phong hóa; Xác định hàm lượng mica; Xác định hàm lượng clorua (Cl <sup>-</sup> ); Xác định hàm lượng sunfat, sunfit; Xác định hàm lượng hạt đập bị vỡ; Xác định hàm lượng muối Natri clorua (NaCl) trong cốt liệu	TCVN 7572:2006; ASTM C29, C33, C40, C127, C128, C131, C136, C170, C227, C566; AASHTO T19, T27, T84, T85, T96, T255, T335
	Đương lượng cát(ES)	AASHTO T176
	Xác định độ bền cốt liệu	AASHTO T104-90
	Hệ số thấm	ASTM D2432
	Xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807 : 2017
	Hàm lượng vật liệu nhỏ hơn sàng 0,075mm xác định bằng phương pháp rủa	AASHTO T11
<b>2</b>	<b>Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của Bê tông nhựa</b>	
	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall; xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm; xác định thành phần hạt; xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời; xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén; xác định độ chảy nhựa; xác định độ góc cạnh của cát; xác định hệ số độ chặt lu lèn; xác định độ rỗng dư; xác định độ rỗng cốt liệu; xác định độ rỗng lấp đầy nhựa; xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860:2011
	Thử độ sâu vết hằn bánh xe của bê tông nhựa bằng thiết bị Wheel Tracking – QĐ 1617/QĐ-BGTVT ngày 29/04/2014 của Bộ GTVT	AASHTO T324-16
	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp nung	AASHTO308-99; ASTM D6307-98
	Cường độ chịu kéo gián tiếp (TSR)	AASHTO T283 - 14
	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén xử dụng mẫu bọc Parafin	AASHTO T275 - 91 (2005)
	Xác định khả năng kháng ẩm của mẫu đã đầm chặt	TCVN 12914:2020
	Xác định hàm lượng nước có trong hỗn hợp bê tông nhựa nóng bằng phương pháp tủ sấy	AASHTO T329
	Xác định cường độ chịu nén và độ biến dạng, cường độ chịu nén còn lại, cường độ chịu nén không nở hồng, đặc tính tạo bọt của nhựa đường	TCVN 13150: 2020
	Xác định độ bong tróc của hỗn hợp bê tông nhựa	AASHTO T182; ASTM D3625

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Xác định khả năng kháng nứt bằng phương pháp uốn mẫu bán nguyệt (SCB)	ASTM D8044-16
	Thí nghiệm xác định cường độ kéo khi ép chệch	TCVN 8862: 2011
<b>3</b>	<b>Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của nhựa đường đặc</b>	
	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005
	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005
	Xác định nhiệt độ hóa mềm	TCVN 7497:2005
	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:2005
	Xác định lượng tổn thất sau gia nhiệt	TCVN 7499:2005
	Xác định lượng hòa tan của nhựa đường trong tricloetylen	TCVN 7500:2005
	Xác định khối lượng riêng (Tỷ trọng)	TCVN 7501:2005
	Xác định hàm lượng Paraphin bằng phương pháp chưng cất	TCVN 7503:2005
	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005
	Xác định ảnh hưởng của nhiệt độ và không khí bằng phương pháp màng mỏng xoay (RTFOT)	ASTM D2872
	Độ đàn hồi	TCVN 11194:2017
	Độ ổn định lưu trữ	TCVN 11195:2017
<b>4</b>	<b>Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của nhựa đường lỏng</b>	
	Xác định nhiệt độ bắt lửa; Xác định hàm lượng nước; Thử nghiệm chưng cất; Độ nhớt động lực	TCVN 8818:2011
<b>5</b>	<b>Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của nhũ tương nhựa đường axit</b>	
	Xác định lượng hạt quá cỡ; Xác định độ nhớt; Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ; Xác định điện tích hạt; Xác định độ khử nhũ; Thử nghiệm trộn với xi măng; Xác định độ dính bám và tính chịu nước; Thử nghiệm chưng cất; Thử nghiệm bay hơi; Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit phân tách nhanh; Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit phân tách chậm; Xác định khả năng trộn lẫn với nước; Xác định khối lượng thể tích; Xác định độ dính bám với cốt liệu ngoài hiện trường	TCVN 8817:2011
<b>6</b>	<b>Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của bột khoáng</b>	
	Xác định: hàm lượng mất khi nung; hàm lượng nước; khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng; hệ số háo nước; hàm lượng chất hòa tan trong nước; khối lượng riêng của bột khoáng và nhựa đường; độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; khối lượng thể tích và độ rỗng dư của bột khoáng và nhựa đường; chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22 TCN 58-84; TCVN 12884:2020
<b>7</b>	<b>Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của xi măng</b>	
	Độ mịn và khối lượng riêng	TCVN 4030:2003
	Độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết, độ ổn định thể tích.	TCVN 6017:2015
	Độ bền uốn và độ bền nén.	TCVN 6016:2011
<b>8</b>	<b>Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của bê tông xi măng</b>	
	Độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
	Khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108: 2022
	Độ tách nước và tách vữa	TCVN 3109: 2022

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Khối lượng riêng	TCVN 3112: 2022
	Độ hút nước	TCVN 3113: 2022
	Độ mài mòn	TCVN 3114: 2022
	Khối lượng thể tích	TCVN 3115: 2022
	Độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116: 2022
	Giới hạn bền khi nén	TCVN 3118: 2022
	Giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119: 2022
	Giới hạn bền kéo dọc trục khi bẻ	TCVN 3120: 2022
	Phương pháp không phá hoại sử dụng súng bật nảy để xác định cường độ nén	TCVN 9334:2012
<b>9</b>	<b>Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của đất trong phòng</b>	
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195:2012
	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
	Xác định giới hạn chảy, giới hạn dẻo	TCVN 4197:2012
	Xác định thành phần hạt	TCVN 4198:2012
	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012 22 TCN 333-2006 TCVN 12790:2020
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012
	Xác định chỉ số CBR	22 TCN 332-2006
	Xác định hệ số thấm K	ASTM D2434
	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	AASHTO T267
	Xác định hàm lượng muối	TCVN 9436:2012
<b>10</b>	<b>Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của vữa xây dựng</b>	
	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất; Xác định độ lưu động của vữa tươi; Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi; Xác định khối lượng thể tích của mẫu vữa đông rắn; Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn; Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121:2022
<b>11</b>	<b>Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của gạch đất sét nung</b>	
	Xác định cường độ bền nén; Xác định cường độ bền uốn; Xác định độ hút nước; Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355 :2009
<b>12</b>	<b>Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của gạch Bloc bê tông</b>	
	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; Xác định độ rỗng; Xác định độ hút nước; Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:1999
<b>13</b>	<b>Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của gạch bê tông tự chèn</b>	
	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; Xác định độ hút nước; Xác định độ mài mòn	TCVN 6476:1999
<b>14</b>	<b>Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của gạch xi măng lát nền</b>	
	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định độ hút nước; Xác định độ chịu lực xung kích; Xác định lực uốn gãy; Xác định độ cứng lớp mặt	TCVN 6065:1995
<b>15</b>	<b>Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của kim loại - mối hàn</b>	
	Kim loại – Phương pháp thử kéo dọc	TCVN 197-1:2014
	Kim loại – Phương pháp thử uốn	TCVN 198:2008
	Thử uốn mối hàn kim loại	TCVN 5401:2010

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Thử kéo mỗi hàn kim loại	TCVN 8311:2010
	Kiểm tra chất lượng hàn ống - thử nén dẹt	TCVN 5402:2010
	Thử cơ lý bu lông	ASTM A 370:02
	Thử uốn thép gai	TCVN 6287:97; TCVN 1916:1995
<b>16</b>	<b>Phép thử nước xây dựng</b>	
	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011
	Xác định hàm lượng Clorua (CL)	TCVN 6194:1996
	Xác định hàm lượng Sunfat (SO4)	TCVN 6200:1996
	Xác định lượng muối hòa tan; Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988
	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 4565:1988
<b>17</b>	<b>Thử Bentonite</b>	
	Xác định: khối lượng riêng; độ nhớt; hàm lượng cát; tỷ lệ chất keo; lượng mất nước; độ dày áo của sét; độ pH; độ ổn định; lực cắt tĩnh	TCVN 11893:2017
<b>18</b>	<b>Thí nghiệm ống cống</b>	
	Thử độ thấm nước (thử tải ép ba cạnh); khả năng chịu tải; kiểm tra kích thước và độ vuông góc của đầu ống; kiểm tra ngoại quan khuyết tật và nhãn mác của ống cống tròn	TCVN 9113:2012
<b>19</b>	<b>Thử nghiệm hiện trường</b>	
	Modun đàn hồi xác định bằng cần đo vông Benkelman	TCVN 8867:2011
	Độ bằng phẳng bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
	Độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011 ASTM E965
	Modun đàn hồi của nền đất và kết cấu áo đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
	Khối lượng thể tích, độ ẩm của vật liệu trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22 TCN 346:06 TCVN 8729:2012
	Xác định dung trọng, độ ẩm của đất, cát bằng phương pháp dao vòng	22TCVN 02:1971 TCVN 12791:2020; TCVN 8729:2012
	Xác định sức kháng trượt của bề mặt đường ô tô bằng thiết bị con lắc Anh	TCVN 10271:2014
	Thí nghiệm CBR hiện trường	TCVN 8821:2011 ASTM D4429:92
	Thí nghiệm nén tĩnh cọc bê tông cốt thép	TCVN 9393:2012
	Kiểm tra không phá hủy xác định chiều rộng vết nứt của bê tông bằng kính lúp	TCVN 5879:95

**Ghi chú (\*)** - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.